

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2025

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tương.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang

2. Ông Nguyễn Văn Thạch.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Hoài Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương D, sinh ngày 20/01/1988; căn cước công dân số 051188003XXX, cấp ngày 13/10/2023; nơi cư trú: Xóm Hải K, thôn Hải N, xã Bình S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh ngày 10/7/1981; căn cước công dân số 051081008XXX; nơi cư trú: Xóm Hải K, thôn Hải N, xã Bình S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Thị Phương D trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyền số 01/08-09, ngày 22/7/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau và sinh được hai con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nhiều lần xảy ra cãi vã, xung đột, ông L đánh bạc, thiếu nợ nhiều người, thiếu trách nhiệm với con cái. Mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài, từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn sống chung, không quan tâm chăm sóc cho nhau và không khả năng đoàn tụ chung sống nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng có 02 (hai) con chung, gồm: Phạm Trần Q, sinh ngày 27/9/2009 và Phạm Trần Trường S, sinh ngày 14/11/2017, hiện bà đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi con là 2.500.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng/tháng/02 con).

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phạm Ngọc L không đến Tòa án làm việc và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Phương D.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, tuyên xử bà D được ly hôn ông L; giao cả hai con chung chưa thành niên cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bà D; bà D không yêu cầu giải quyết tài sản chung, trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét; buộc bà D chịu án phí hôn nhân sơ

thăm, buộc ông L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Phạm Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[1.2] Ông L không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên căn cứ vào Điều 91 và Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/08-09 ngày 02/7/2009 của UBND xã Bình Thạnh (nay là xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi), kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và trình bày của bà D, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà D và ông L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà D và ông L là hợp pháp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không phản đối các tình tiết, sự kiện mà bà D trình bày về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Căn cứ quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà bà D đưa ra không phải chứng minh. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp hòa giải nhưng ông không đến Tòa làm việc, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa thể hiện ông L không quan tâm, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà D và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[3] Về con chung: Theo trình bày của bà D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà D và ông L có 02 (hai) con chung, gồm: Phạm Trần Q, sinh ngày 27/9/2009 và Phạm Trần Trường S, sinh ngày 14/11/2017. Xét thấy, các con chung hiện đang sinh sống ổn định cùng bà D và các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, trong khi đó bà D có đủ điều kiện, khả năng nuôi con và có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cả hai con chung cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong vụ án này, bà D có yêu cầu ông L cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung với mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/tháng/01 con. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung, mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu Q, S đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu thiết yếu của các cháu Q, S.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và trình bày không có nợ chung nên căn cứ quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

[6] Án phí: Căn cứ các Điều 147, 150 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6.1] Bà Trần Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003294, ngày 15/11/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn (nay là Thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ngãi).

[6.2] Ông Phạm Ngọc L phải chịu 30.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15, về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2025.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương D được ly hôn ông Phạm Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42, quyển số 01/08-09, ngày 02/7/2009 do Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) cấp cho bà Trần Thị Phương D và ông Phạm Ngọc L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Q, sinh ngày 27/9/2009 và cháu Phạm Trần Trường S, sinh ngày 14/11/2017 cho bà Trần Thị Phương D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Ngọc L có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cả hai con chung chưa thành niên, mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Trần Q là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng); mức cấp dưỡng cho cháu Phạm Trần Trường S là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 21/8/2025 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Phương D là người đại diện cho con chung chưa thành niên yêu cầu ông Phạm Ngọc L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

4. Án phí:

4.1. Bà Trần Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003294, ngày 15/11/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn (nay là Thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ngãi).

4.2 Buộc ông Phạm Ngọc L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Bình Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tương